TÒA ÁN NHÂN DÂN Q THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Số: 1032/2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quận 9, ngày 25 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Q, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 902/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1994

Địa chỉ: 45/3 Hồ Bá Phấn, khu phố 4, phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Phạm Văn S, sinh năm 1986

Địa chỉ: 232 Lương Đình Của, khu phố 1, phường A, Quận W, Thành Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Người yêu cầu bà Hoàng Thị H và ông Phạm Văn S tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, do Ủy ban nhân dân phường A, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/7/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà H và ông S chung sống hạnh phúc. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông S không quan tâm, bỏ bê vợ con, cuộc sống không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được; bà H và ông S xác định không

còn tình cảm vợ chồng nên việc bà H và ông S yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Hoàng Anh T, sinh ngày 15/9/2018. Bà Hoàng Thị H và ông Phạm Văn Sg thỏa thuận bà Hương là người trực tiếp nuôi con chung, ông S cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thỏa thuận này của bà H và ông S là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà H và ông S tự khai không có.

[4] Về nợ chung: Bà H và ông S tự khai không có.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Phạm Văn S thuận tình ly hôn;

Giấy chứng nhận kết hôn số 68, do Ủy ban nhân dân phường A, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/7/2018 cho bà Hoàng Thị H và ông Phạm Văn S không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Hoàng Anh T, sinh ngày 15/9/2018. Bà Hoàng Thị H là người trực tiếp nuôi con chung. Ông Phạm Văn S cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H và ông S tự khai không có.

- Về nợ chung: Bà H và ông S tự khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm về giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà Hoàng Thị H và ông Phạm Văn S mỗi người chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng), được cấn trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí bà H và ông S đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0046848 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H và ông S đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Q;
- Chi cục THADS Quận Q;
- UBND P. A, Quận W;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Chung Cảnh Long